

最后更新20.09.2026 05:38:08

前排序表

序号	姓名	国棋ID	会	等分	俱部/城市
1	Cao, Thị Như Thảo (Nữ)		VIE	0	Clb Sơn Tây
2	Nguyễn, Hoàng Thùy Dương		VIE	0	Tự do
3	Kiều, Mạnh Tiến		VIE	0	Clb Sơn Tây
4	Lê, Ngọc Huyền (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
5	Lê, Văn Minh		VIE	0	Xã Dương Hoà
6	Ngô, Khánh Chi (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
7	Nguyễn, Công Nhật Bảo		VIE	0	Tự Do
8	Nguyễn, Đăng Khoa		VIE	0	Clb Quốc Oai
9	Nguyễn, Minh Trí		VIE	0	Clb Hoàng Gia
10	Nguyễn, Minh Tuệ (Nữ)		VIE	0	Clb Hoàng Gia
11	Nguyễn, Phạm Việt Nam		VIE	0	Clb Hoàng Gia
12	Nguyễn, Quốc Anh		VIE	0	Clb Quốc Oai
13	Nguyễn, Quốc Minh Đạt		VIE	0	Clb Sơn Tây
14	Nguyễn, Văn Thành Phong		VIE	0	Clb Quốc Oai
15	Ninh, Duy Bách		VIE	0	Thôn 1 Hòa Lạc
16	Phạm, Thành Hưng		VIE	0	Clb Sơn Tây
17	Phạm, Thị Ngọc Dung (Nữ)		VIE	0	Thôn 1 Hòa Lạc
18	Phùng, Bảo Phúc		VIE	0	Clb Hoàng Gia
19	Trương, Quang Trường		VIE	0	Clb Hoàng Gia
20	Vũ, Trần Quốc		VIE	0	Clb Thiên Trường
21	Nguyễn, Quang Đại		VIE	0	Clb Hoàng Gia
22	Nguyễn, Minh Quân		VIE	0	Thôn 1 Hòa Lạc

你找到次比所有料在 <https://chess-results.com/tnr1500059.aspx?lan=33>
国象棋比成服器: Chess-Results